

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DS-ST
Ngày 15/11/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương.
2. Ông Lò Văn Khết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông NVX, sinh 1963. Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà LTT, sinh năm 1968 và ông LVX, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà LTH, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông NVX trình bày:

Ngày 16/6/2016 ông có cho vợ chồng bà LTT và ông LVX, ở: Tiểu khu 4, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL vay số tiền 103.000.000, đồng. Thời hạn trả ngày 25/06/2016 phải thanh toán trả cho ông số tiền trên, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri B 945374, sổ vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số:494 theo QĐ số 643 do Ủy ban nhân dân tỉnh SL cấp ngày 05/11/1993, mang tên LVX. Địa chỉ thửa đất: Tiểu khu 4, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Đến hẹn bà LTT và ông LVX không trả được nợ, sau đó đến mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về vay tiền ngân hàng trả nợ cho ông, nhưng đến nay không trả nợ, mặc dù ông đã đòi nhiều lần.

Nguyên đơn ông NVX yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà LTT và ông LVX phải thanh toán trả số tiền là 103.000.000, đồng (một trăm linh ba triệu đồng).

Nguyên đơn đưa ra tài liệu chứng cứ gồm:

Một hợp đồng cầm cố tài sản ngày 16/6/2016.

Ông NVX trình bày về yêu cầu của bị đơn yêu cầu ông cung cấp biên bản giao nhận tiền vay, hoặc giấy vay tiền, biên bản hoặc giấy trả nợ, giấy tờ về việc giao trả “bìa đỏ” ông cho rằng giao tiền trực tiếp không làm giấy tờ, về việc giao trả “bìa đỏ” ông cho rằng do quen biết bà LTH đến mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về vay tiền ngân hàng trả nợ cho ông, nên ông đưa cho bà LTH.

Ông NVX trình bày về yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan việc bà LTH vay tiền của ông với lãi suất là 2000, đồng/1 triệu/ 1 ngày là vụ không.

Bị đơn bà LTT và ông LVX trình bày:

Ông, bà không công nhận được vay tiền của ông NVX, thực chất là bà LTH (em gái bà LTT) mượn “bìa đỏ” của hai vợ chồng để vay tiền của ông NVX, số tiền vay bao nhiêu ông bà không biết. Việc ông bà nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bà LTH đã trả xong nợ ông NVX và đem về trả cho ông bà. Nay ông NVX yêu cầu bà LTT và ông LVX phải thanh toán trả số tiền là 103.000.000, đồng hai người không nhất trí. Bà LTT và ông LVX yêu cầu ông NVX cung cấp chứng cứ biên bản giao nhận tiền vay, hoặc giấy vay tiền, biên bản hoặc giấy trả nợ, giấy tờ về việc giao trả “bìa đỏ”. Ông bà yêu cầu xác minh đối với ông Quảng Văn Ban là Công chứng viên – Văn phòng công chứng huyện ML vì cho rằng ông Quảng Văn Ban biết sự việc bà LTH và NVX mới là hai người vay tiền nhau.

Đối với bản hợp đồng cầm cố ngày 16/6/2016 đã hết hiệu lực vì số tiền ghi trong hợp đồng không phải tiền vay, không có chứng cứ về việc vay tiền; tại khoản 1 điều 5 trang 4 của hợp đồng đã thực hiện xong, do cô LTH đã trả xong nợ ông NVX mới trả “bìa đỏ”. Ông NVX cho rằng chúng tôi đến mượn lại “bìa đỏ” yêu cầu ông NVX xuất trình giấy tờ cho mượn lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà LTH trình bày: Bà công nhận mượn “bìa đỏ” của hai vợ chồng bà LTT và ông LVX, để được vay tiền của ông

NVX. Thực chất bà là người vay, số tiền ông NVX cho bà vay là 100.000.000, đồng khi vay bà có viết giấy vay tiền với ông NVX và ông NVX là người giữ, lãi suất là 2000, đồng/1 triệu/1 ngày. Năm 2017 bà đã thanh toán trả cho ông NVX 90.000.000, đồng và được ông NVX trả lại “bìa đỏ”, mọi giấy tờ trả nợ ông NVX đều là người cầm giữ. Việc ông NVX yêu cầu bà LTT và ông LVX phải thanh toán trả số tiền là 103.000.000, đồng không đúng sự thật.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định. Về nội dung:

Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Không đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông NVX yêu cầu bà LTT và ông LVX phải thanh toán trả số tiền là 103.000.000, đồng (một trăm linh ba triệu đồng).

Về án phí: Ông NVX phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét lời trình bày của ông NVX: Về việc số tiền vay là số tiền được ghi trong: “hợp đồng cầm cố tài sản” ngày 16/6/2016 là 103.000.000, đồng. Tuy nhiên không có căn cứ xác nhận việc bà LTT và ông LVX đã nhận đủ số tiền 103.000.000, đồng. Bà LTT và ông LVX yêu cầu ông NVX cung cấp chứng cứ biên bản giao nhận tiền vay, hoặc giấy vay tiền, biên bản hoặc giấy trả nợ, giấy tờ về việc giao trả “bìa đỏ”, nhưng ông NVX đều không cung cấp được.

Lời khai của bà LTH, bà LTT và ông LVX xác định việc giao dịch vay tiền được thực hiện giữa ông NVX và bà LTH. Bà LTT và ông LVX chỉ là người cho mượn “bìa đỏ”. Lời khai này của ba người phù hợp với ý kiến của ông Quảng Văn Ban, công chứng viên – Văn phòng Công chứng ML là người được chứng thực “hợp đồng cầm cố tài sản” ngày 16/6/2016 xác nhận có việc ông NVX và bà LTH trao đổi để thực hiện vay tiền nhau, còn bà LTT và ông LVX chỉ là người cho mượn “bìa đỏ” và tại buổi ký kết chứng thực không thấy việc giao tiền.

Bên cạnh đó trong đơn khởi kiện và bản tự khai ông NVX khai rằng bà LTT và ông LVX đến mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về vay tiền ngân hàng trả nợ cho ông, Tuy nhiên tại văn bản trả lời về việc giao nộp chứng cứ ngày 22/10/2019 ông NVX khai bà LTH đến mượn lại “bìa đỏ”. Như vậy việc mượn lại “bìa đỏ” là không có căn cứ vì bà LTH, bà LTT và ông LVX đều khẳng định bà LTH đã trả nợ cho ông NVX 90.000.000, đồng và được trả lại “bìa đỏ”.

Tòa án đã có thông báo số 36/TB-TA ngày 21/10/2019. Về việc yêu cầu giao nộp chứng cứ đối với ông NVX, yêu cầu ông NVX cung cấp chứng cứ: Biên bản giao nhận tiền vay, hoặc giấy vay tiền, biên bản hoặc giấy trả nợ, giấy tờ về việc giao trả “bìa đỏ”, để có căn cứ giải quyết chính xác, khách quan nội dung tranh chấp, nhưng ông NVX đều không cung cấp được.

Hơn nữa tại khoản 1 Điều 5 của “hợp đồng cầm cố tài sản” ngày 16/6/2016 ghi: 1. Nghĩa vụ của bên B “Trả lại tài sản cầm cố, giấy tờ về tài sản cầm cố nêu trên cho bên A khi nghĩa vụ bảo đảm cầm cố chấm dứt hoặc thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác”. Như vậy bà LTT và ông LVX nhận lại “bìa đỏ” thể hiện việc ông NVX đã nhận được tiền trả nợ.

Từ những chứng cứ đã được phân tích đánh giá trên. Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015. Không đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông NVX yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà LTT và ông LVX phải thanh toán trả số tiền là 103.000.000, đồng (một trăm linh ba triệu đồng).

[2] Về án phí:

Ông NVX phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền không được chấp nhận là 103.000.000, đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử: Không đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông NVX yêu cầu bà LTT và ông LVX phải thanh toán trả số tiền là 103.000.000, đồng (một trăm linh ba triệu đồng).

2. Về án phí:

Ông NVX phải chịu 5.150.000, đồng (năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000, đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0002361 ngày 26/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL. Ông NVX còn phải nộp tiếp là 2.650.000, đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn ông NVX, bị đơn bà LTT và ông LVX, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà LTH biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 15/11/2019.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự (4);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn